

Các nhân tố trên có mối quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau, vì vậy, đề nâng cao chất lượng và hiệu quả của môi trường đầu tư, nhất thiết phải quan tâm xử lý đồng bộ các nhân tố ảnh hưởng trên.

### Thực trạng môi trường đầu tư của Việt Nam

Thực hiện đường lối đổi mới, trong những năm qua, môi trường đầu tư của Việt Nam đã có nhiều biến đổi theo hướng ngày càng thông thoáng, bình đẳng, hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư. Đặc biệt, khi Luật Doanh nghiệp chung được ban hành, mở ra một sân chơi chung đối với tất cả các chủ đầu tư, không phân biệt nguồn vốn chủ sở hữu, thành phần kinh tế, không phân biệt chủ đầu tư trong nước và nước ngoài đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý thông thoáng cho các chủ đầu tư.

Đánh giá về môi trường

vực châu Á - Thái Bình Dương:

- Việt Nam có môi trường chính trị - xã hội ổn định, đáp ứng được nhu cầu làm ăn lâu dài của các nhà đầu tư, Việt Nam cũng có lợi thế về vị trí địa lý vì nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương

toàn diện ASEAN - Trung Quốc, có đường biên giới chung với các tỉnh phía nam Trung Quốc.

- Sau hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam cũng từng bước hình thành thể chế kinh tế thị trường, duy trì được môi trường kinh tế vĩ mô ổn định

## Môi trường đầu tư tại Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng

Nguyễn Thị Ngân Giang

Mọi hoạt động đầu tư suy cho cùng là để thu lợi nhuận, vì thế môi trường đầu tư hấp dẫn phải là một môi trường có hiệu quả đầu tư cao, mức độ rủi ro thấp. Điều này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố như: chính sách, cơ chế ưu đãi đầu tư của nước chủ nhà, điều kiện phát triển về cơ sở hạ tầng kinh tế, mức độ hoàn thiện về thể chế hành chính - pháp lý, khả năng ổn định về mặt chính trị - xã hội, độ mở của nền kinh tế, sự phát triển của hệ thống thị trường

và nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong cả thập kỷ 90 là 7,2%, cao hơn mức tăng trưởng bình quân cùng kỳ của các nước trong khu vực là 3,7%. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Việt Nam có nguồn nhân lực dồi dào, có trí thức và tương đối trẻ. với số dân 80 triệu, đứng thứ 13 trên thế giới, đời sống người dân ngày càng được nâng cao, Việt Nam được đánh giá là một nước có tiềm năng về thị trường lao động và thị trường hàng hoá. Về chất lượng nguồn nhân lực, chỉ số phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam đang ở mức cao hơn trình độ phát triển kinh tế, có khả năng tiếp thu và thích



đầu tư của Việt Nam hiện nay, có thể đưa ra một số nhận xét sau đây:

Một là, môi trường đầu tư Việt Nam hiện tại được coi là tương đối hấp dẫn, an toàn và có lợi thế lâu dài trong khu

đang phát triển năng động, đã tham gia Hiệp định CEPT/AFTA với quy mô thị trường 500 triệu người; đã tham gia chương trình thu hoạch sớm (EHP) của Hiệp định khung về hợp tác kinh tế

nghi nhanh với hoạt động chuyên giao công nghệ, điều này cũng phản ánh những ưu thế của lao động Việt Nam xét về dài hạn (hiện tại Việt Nam đứng thứ 5 trong số các nước ASEAN về chỉ số phát triển con người, sau Singapore, Malaysia, Thailand, Philippines). chi phí sử dụng lao động của kỹ sư và công nhân Việt Nam cũng được đánh giá là có lợi hơn so với các nước lân cận (lương trả chỉ bằng 60-70% của Trung Quốc, Thái Lan; 18% của Singapore; 3-5% của Nhật Bản).

**Hai là, công cuộc đổi mới, cải cách nền kinh tế theo hướng hội nhập, mở cửa cả bên trong và bên ngoài đã tạo môi trường kinh doanh ngày càng thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp:**

- Thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam đã từng bước được hình thành, phát triển và được thúc đẩy theo hướng tự do hoá thương mại và đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hợp tác và cạnh tranh bình đẳng, huy động được nhiều nguồn lực hơn vào phát triển kinh tế xã hội. Quá trình cải cách trên các lĩnh vực tài chính, tiền tệ cũng được đẩy mạnh thông qua việc cơ cấu lại hệ thống các ngân hàng, điều chỉnh tỷ giá hối đoái linh hoạt, cải cách hệ thống thuế, đổi mới thu chi ngân sách Nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính... ngày càng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước phát triển sản xuất kinh doanh.

- Chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần cũng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hợp tác và cạnh tranh bình đẳng hơn; huy động

được thêm nhiều nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Việc phát huy mạnh mẽ nguồn nội lực trong thời gian qua cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài.

- Việc Nhà nước đầu tư đáng kể cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội như hệ thống đường sá, cầu cảng, hệ thống thông tin liên lạc, điện nước...đẩy mạnh cải cách hành chính để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong những năm qua đã cải thiện rõ rệt điều kiện và môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp, góp phần tiết kiệm các chi phí trung gian, hạ giá thành sản phẩm cho các doanh nghiệp

- Việc tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại đa dạng hoá, đa phương hoá cũng tạo điều kiện mở rộng và phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam, Đến nay Việt Nam đã có quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại với trên 150 nước và cùng lãnh thổ, tham gia tích cực vào cơ cấu hợp tác khu vực và thế giới như ASEAN, ASEM, APEC và WTO. Việc ký kết các Hiệp định CEPT/AFTA, Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, ... đã làm tăng thêm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư của Việt Nam.

**Ba là, chính sách thu hút đầu tư trong và ngoài nước của Việt Nam có nhiều ưu đãi, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài kinh doanh có hiệu quả:**

So với pháp luật đầu tư nước ngoài của nhiều nước, pháp luật về đầu tư nước ngoài của Việt Nam được đánh giá là khá thông thoáng. Đặc biệt là sau khi ban hành Luật doanh nghiệp 2005 và

Luật đầu tư 2005, Việt Nam đã có nhiều chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tháo gỡ các khó khăn nhằm giúp các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài kinh doanh có hiệu quả. Các nhà đầu tư nước ngoài được phép đầu tư trong hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế, được quyền chủ động lựa chọn các hình thức đầu tư, địa điểm, đối tác đầu tư, quy mô dự án; được trực tiếp tuyển dụng lao động; được khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

*Tuy nhiên, môi trường đầu tư của Việt Nam hiện còn một số tồn tại, hạn chế:*

- Mặc dù đã có những bước phát triển mạnh mẽ song về cơ bản Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp, quy mô của nền kinh tế còn nhỏ bé, các cơ sở công nghiệp và trình độ kỹ thuật - công nghệ còn thấp, cơ cấu kinh tế còn chuyển biến chậm, hiệu quả đầu tư chưa cao, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn chưa đáp ứng được các yêu cầu phát triển.

- Hệ thống luật pháp về kinh tế của Việt Nam còn đang trong quá trình hoàn thiện; tính ổn định và minh bạch chưa cao, mức độ rủi ro pháp luật còn lớn và khó dự báo; hệ thống văn bản pháp luật còn nhiều bất cập...

- Quá trình cải cách hành chính còn chuyển biến chậm, các thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư còn phức tạp; nạn tham nhũng còn phổ biến và chưa có biện pháp ngăn chặn, loại bỏ hữu hiệu; các chi phí dịch vụ về cơ sở hạ tầng hỗ trợ kinh doanh, chi phí trung gian, chi phí gia nhập thị trường của các doanh nghiệp còn lớn so với các

nước trong khu vực. Sự phối hợp trong các hoạt động cải cách cơ cấu kinh tế, cải cách thể chế với chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế còn chưa nhịp nhàng, đồng bộ.

- Hệ thống thị trường các yếu tố sản xuất như thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường đất đai, thị trường khoa học - công nghệ... còn chưa đồng bộ và kém phát triển. Quá trình cải cách hệ thống tài chính - ngân hàng tiến hành chậm; hệ thống ngân hàng dễ bị tổn thương do tỷ lệ nợ xấu còn cao, rủi ro lãi suất và tỷ giá lớn và khả năng giám sát, quản trị rủi ro yếu; hệ số tín nhiệm đối với với hoạt động của hệ thống tài chính - ngân hàng còn thấp. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng mức độ cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam vẫn chậm hơn so với các nước khác trong khu vực.

### **Các giải pháp để hoàn thiện môi trường đầu tư ở Việt Nam**

Các chủ trương và các giải pháp cơ bản là:

Tiếp tục đẩy mạnh quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, tạo tâm lý ổn định, làm ăn lâu dài cho các nhà đầu tư. Đẩy mạnh quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh doanh của khu vực doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm và đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá và mở rộng diện các doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá, kể cả một số Tổng công ty và các doanh nghiệp lớn trong các ngành mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn. Khuyến khích phát triển mạnh kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư

nước ngoài và các tổ chức kinh tế cổ phần; nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế. Chủ động hội nhập và thực hiện có hiệu quả, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế. Chủ động hội nhập và thực hiện có hiệu quả các cam kết và lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, ổn định, minh bạch, thông thoáng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Khẩn trương xoá bỏ tình trạng đặc quyền và độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước có cơ chế kiểm soát, điều tiết hoạt động đối với các doanh nghiệp có thị phần lớn, có thể không chế thị trường, trước hết là thị trường các hàng hoá, dịch vụ thiết yếu đối với an sinh xã hội. Kiên quyết và khắt khe xoá bỏ các loại bảo hộ bất hợp lý; sớm khắc phục tình trạng bao cấp như khoản nợ, dẫn nợ, xoá nợ, bù lỗ, cấp vốn tín dụng ưu đãi tràn lan đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước.

Hình thành và phát triển đồng bộ các loại thị trường, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khai thác và huy động mọi nguồn lực cho sự phát triển sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện và mở rộng nhanh thị trường chứng khoán, làm cho thị trường chứng khoán sớm trở thành một kênh huy động vốn có hiệu quả cho đầu tư phát triển; khuyến khích các doanh nghiệp phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tham gia thị trường chứng khoán; phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường bất động sản; hoàn

thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mẽ thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ. Tiếp tục đổi mới để lành mạnh hoá và tăng tính cạnh tranh của thị trường tài chính - tín dụng, tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận các nguồn vốn vay trên cơ sở dự án đầu tư có hiệu quả.

Đổi mới cơ bản công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, có chính sách để đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ cấu lao động trong từng ngành, từng vùng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm phát huy các lợi thế so sánh, gắn thị trường trong nước với thị trường quốc tế, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tăng mức hấp dẫn đầu tư của nền kinh tế.

Đẩy mạnh hơn nữa quá trình cải cách hành chính và thể chế kinh tế. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện khắt khe cải cách hành chính, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định về chính trị - xã hội và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế.